

**CÔNG TY TNHH MTV DGT - VŨNG TÀU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DGT - VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502456754

**3. Ngày thành lập:** 15/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Vũng Tàu Plaza, Số 207 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 02513.899.916

Fax: 02513.899.750

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7110        |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5610        |
| 3.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét<br>Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuynel                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2392        |
| 4.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí. (trừ kinh doanh game bắn cá, bắn thú và các hình thức kinh doanh trò chơi có thưởng, đánh bạc dưới mọi hình thức, trừ trò chơi có hại cho giáo dục sức khỏe và giáo dục nhân cách trẻ em, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài) | 9321        |
| 5.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5022        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 8.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0892        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư( trừ tư vấn tài chính kế toán, luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0810(Chính) |
| 12. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3812        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 14. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3822        |
| 15. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2395        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5221        |

Thời gian đăng từ ngày 15/06/2021 đến ngày 15/07/2021

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                | 4101 |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                          | 4102 |
| 19. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                | 3900 |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                    | 4211 |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                     | 4212 |
| 22. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                   | 3811 |
| 23. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                         | 3821 |
| 24. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.<br>- Kinh doanh nhà. - Hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT). - Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. | 6810 |
| 25. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                    | 2396 |
| 26. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                          | 0899 |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                        | 5510 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                      | 5210 |
| 32. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4730 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4329 |
| 34. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Nạo vét kênh, rạch.                                                                                                                                                                                             | 4390 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.                                                                                                                        | 5222 |
| 36. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                         | 4221 |
| 37. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                              | 4222 |
| 38. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 39. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                               | 4223 |
| 40. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu, nhớt,..                                                                                                                                                            | 4661 |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                | 4229 |
| 42. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                         | 4291 |
| 43. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                  | 4292 |
| 44. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                            | 4293 |
| 45. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                       | 4299 |
| 46. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 47. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                              | 4511 |
| 48. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                      | 4512 |

|     |                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                  | 4513 |
| 50. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                     | 4520 |
| 51. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Error: Subreport could not be shown.

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN NGỌC MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 191537257

Ngày cấp: 16/07/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 157/17 Nguyễn Lộ Trạch, Phường Xuân Phú, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 200, Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu